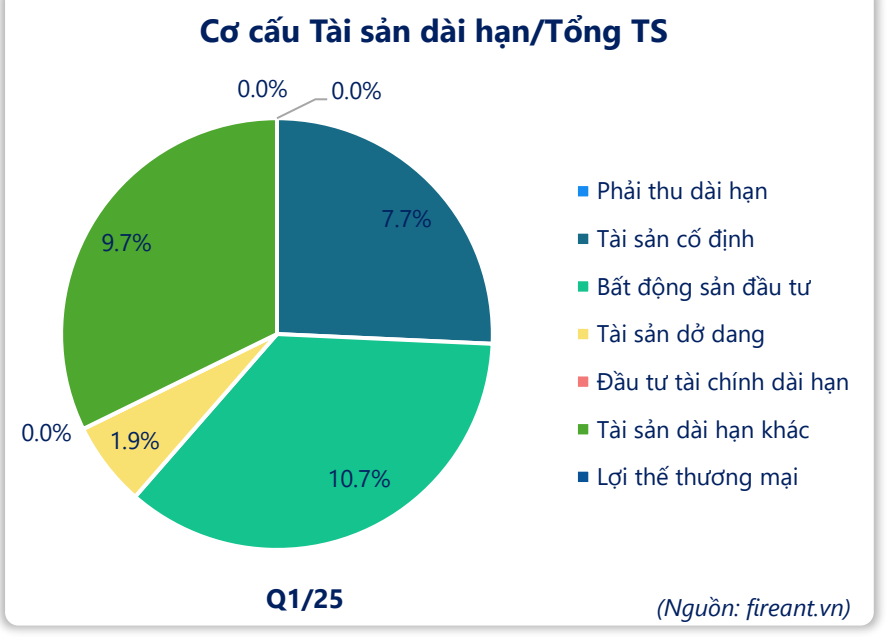
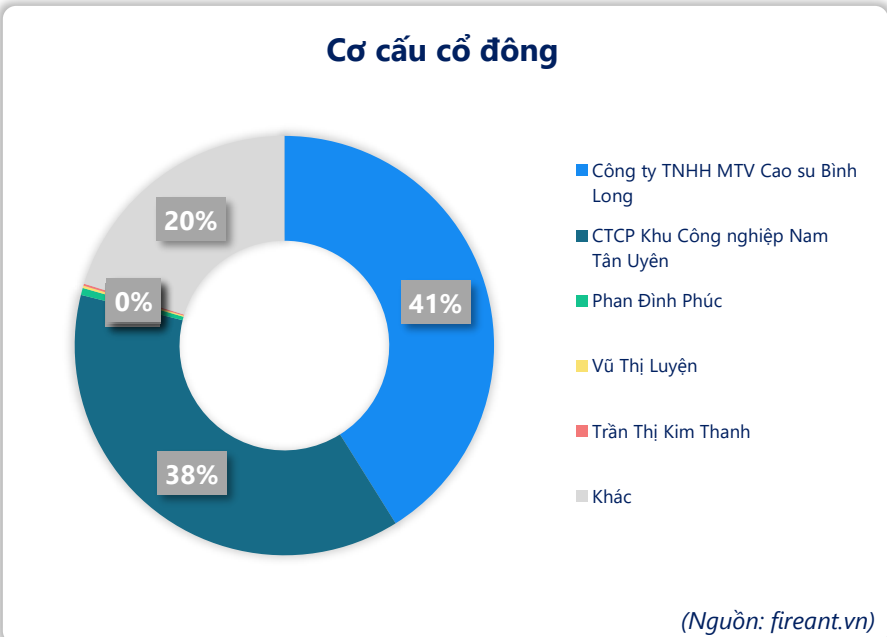
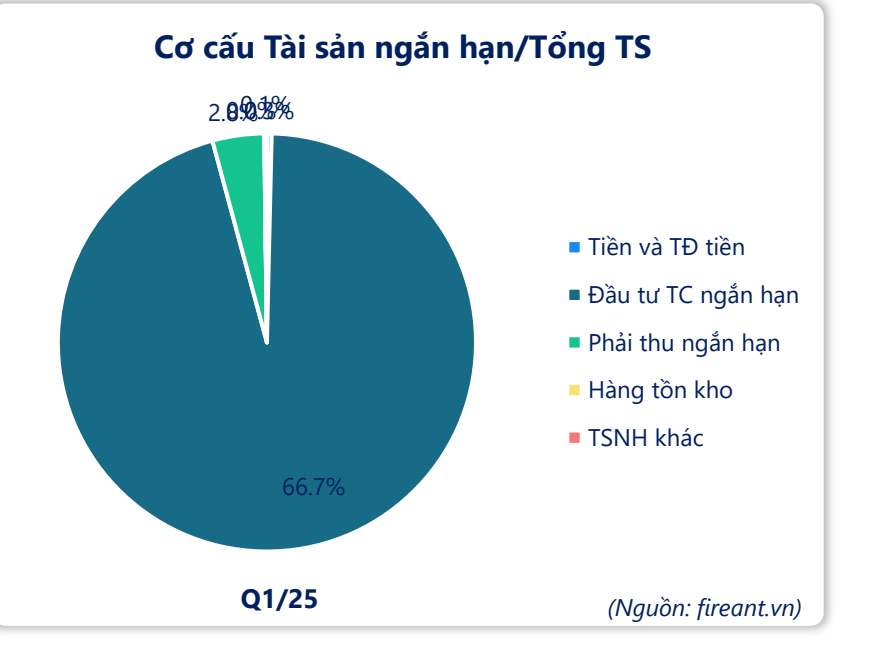
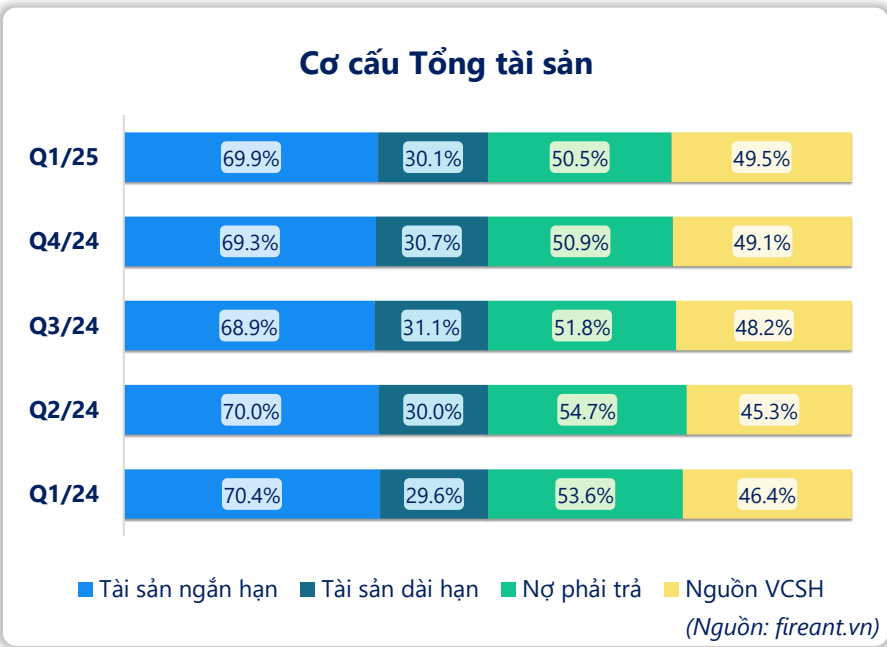
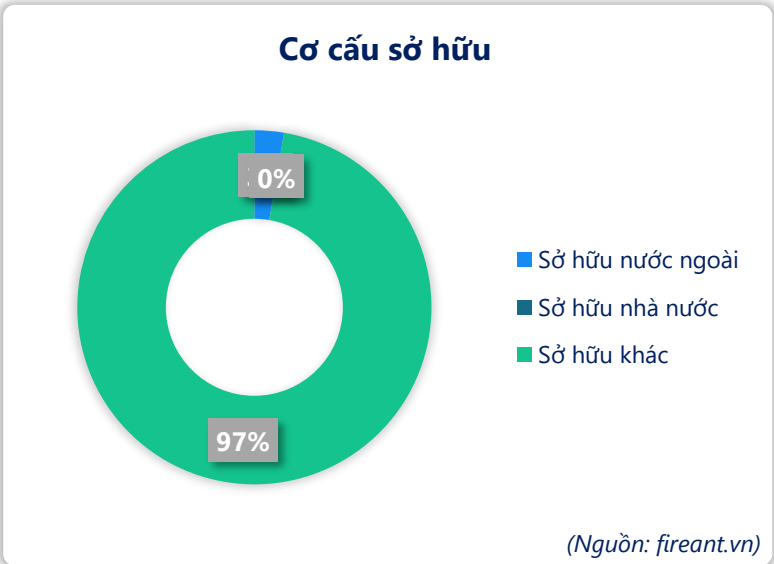
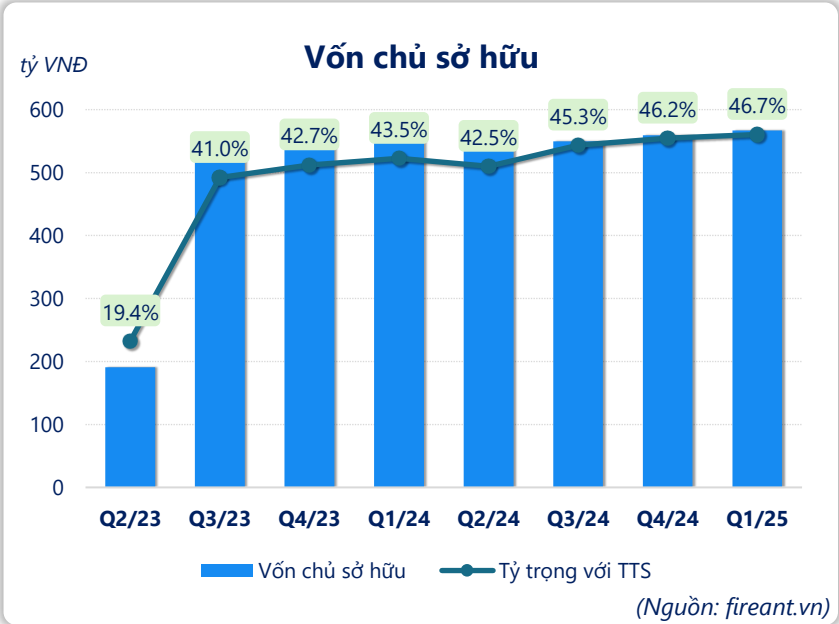
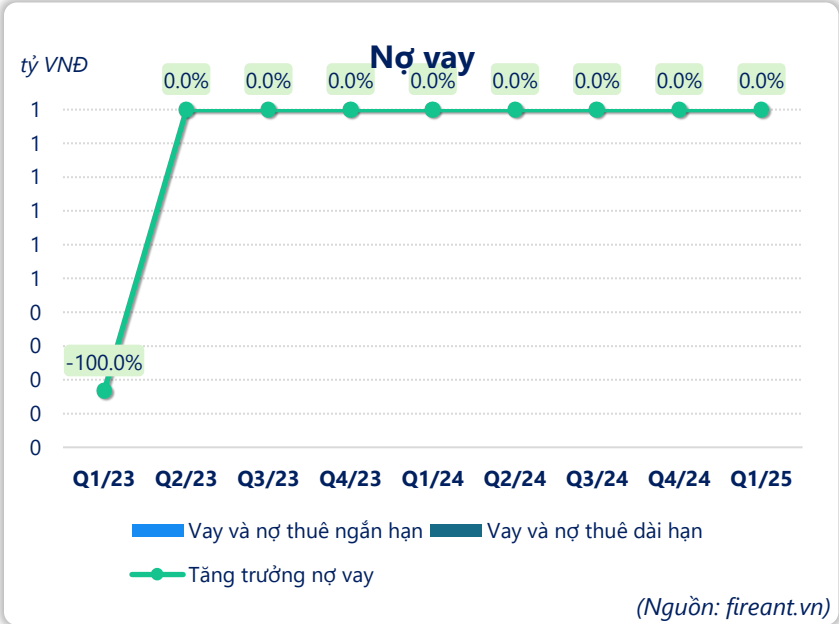
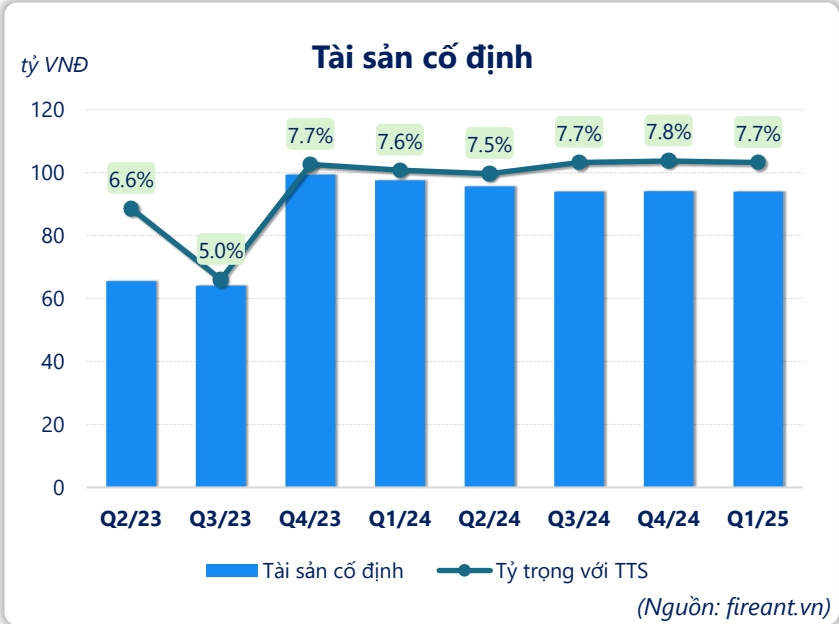
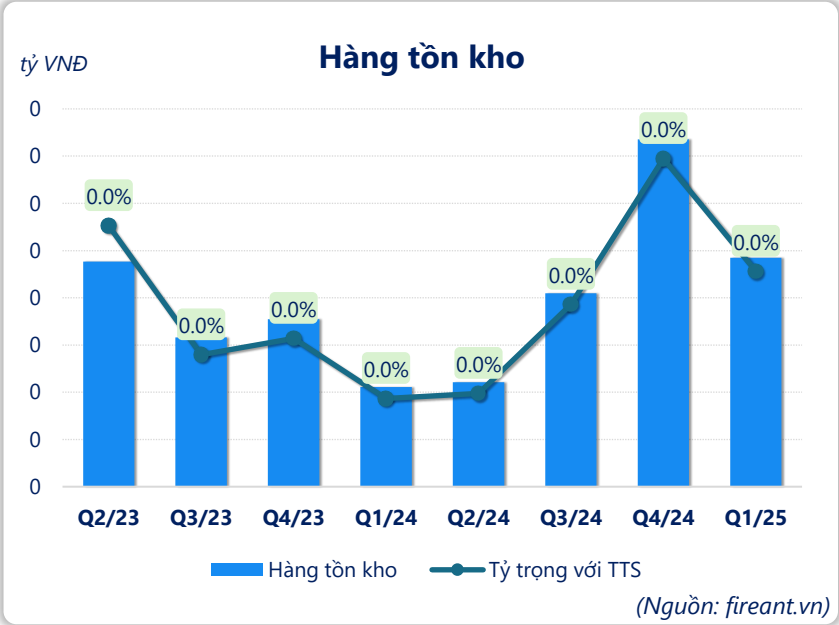
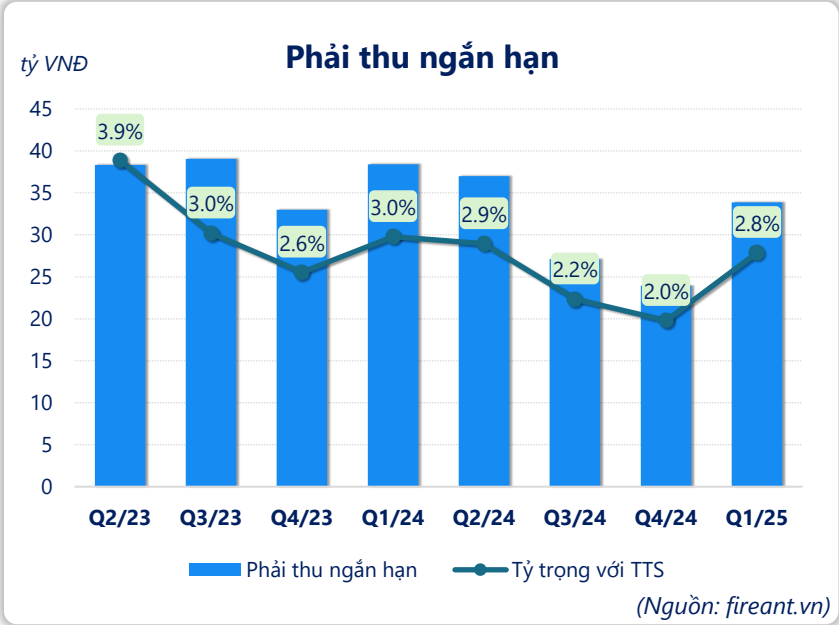
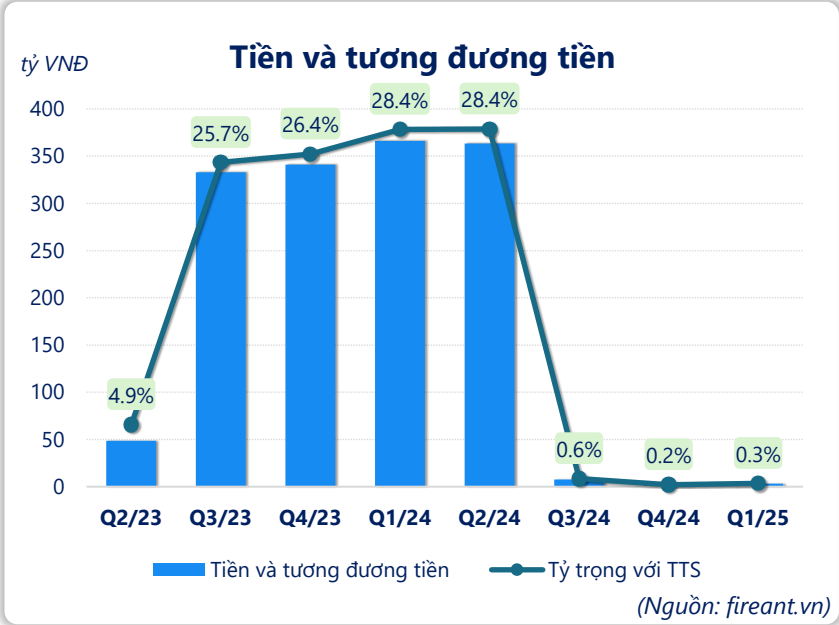
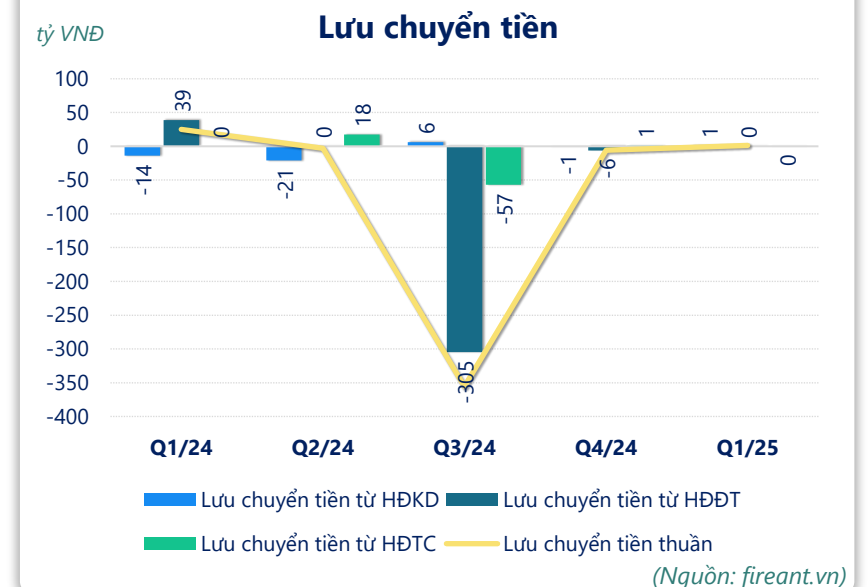
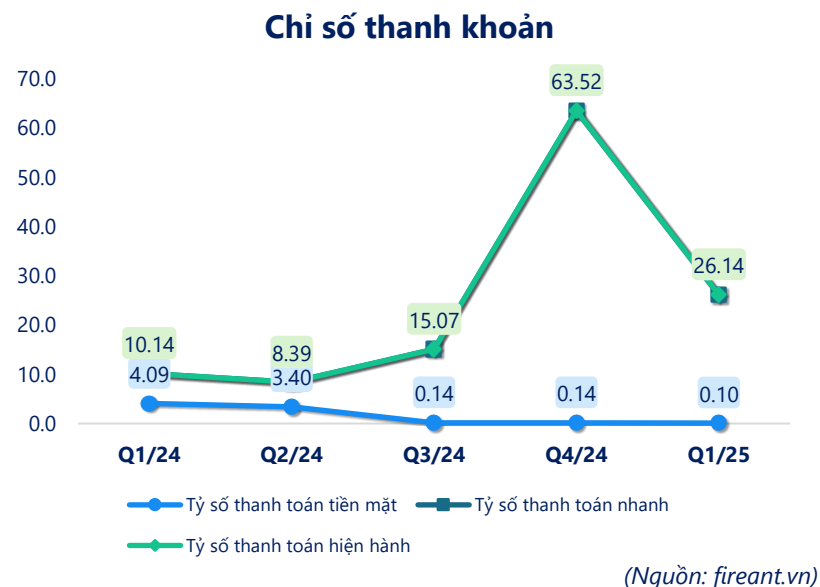
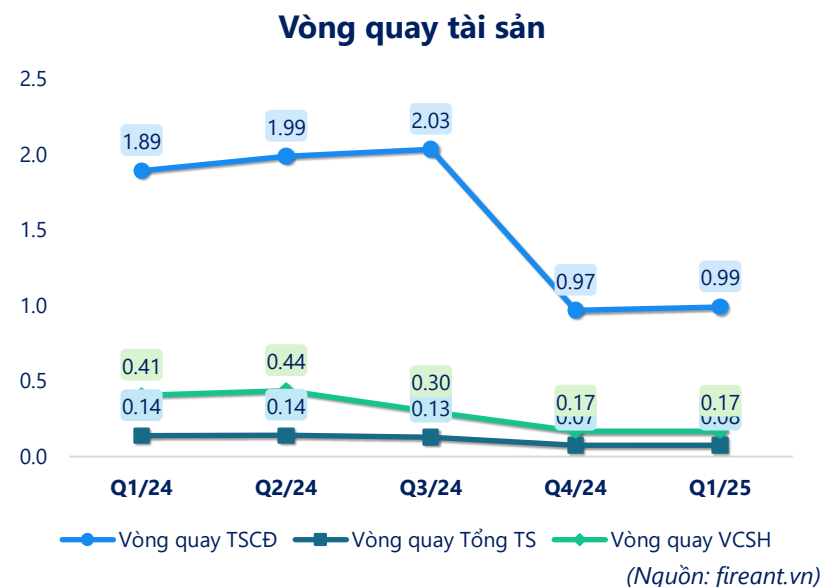
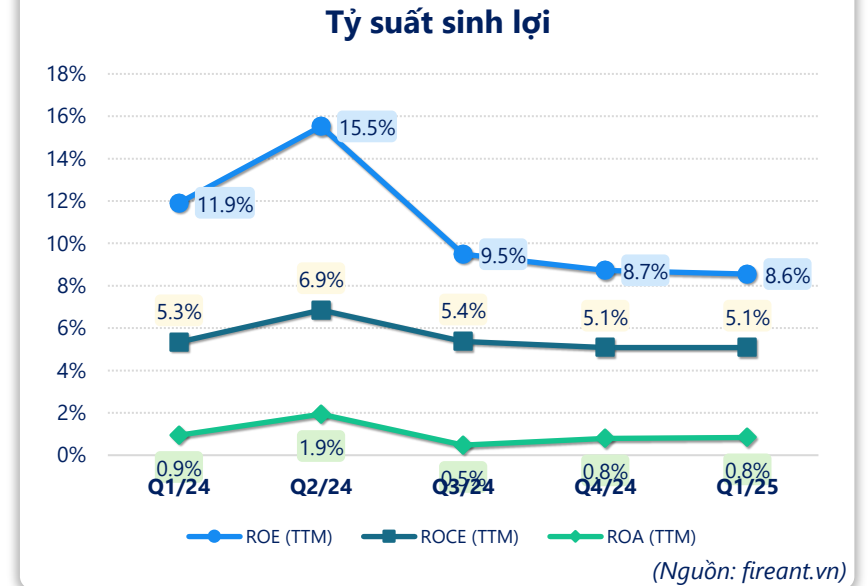
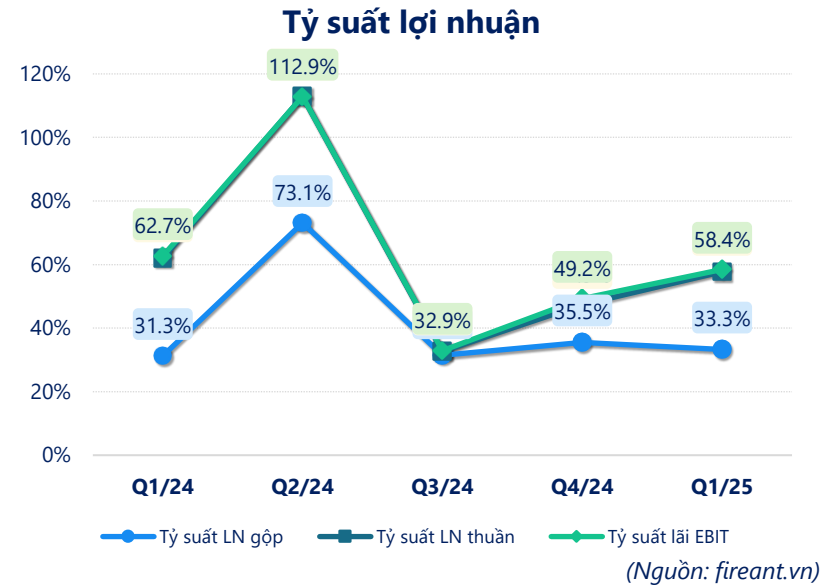
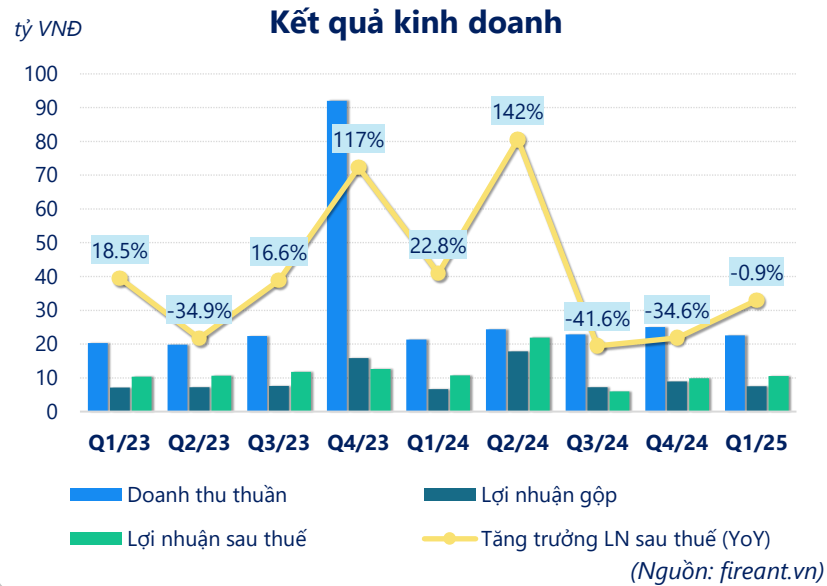


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		46,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		48,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		30,198
SL cổ phiếu LH		24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		22,225
% sở hữu nước ngoài		2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,123
P/E		23.3
EPS		2,011

	YTD	1T	3T	6T
MH3	39.3%	3.5%	41.8%	27.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,214	1,207	0.6%
Tài sản ngắn hạn	849	838	1.2%
Tiền và tương đương tiền	3.11	1.86	66.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	810	810	0.0%
Phải thu ngắn hạn	33.9	23.7	42.8%
Hàng tồn kho	0.24	0.37	-34.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.54	2.16	-28.4%
Tài sản dài hạn	365	369	-0.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	94.0	94.1	-0.1%
Bất động sản đầu tư	130	133	-2.1%
Tài sản dở dang	23.2	23.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	118	118	-0.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	613	615	-0.4%
Nợ ngắn hạn	32.5	30.7	5.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.04	4.91	2.8%
Nợ dài hạn	580	585	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	601	592	1.6%
Vốn chủ sở hữu	567	557	1.9%
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	34.3	35.1	-2.1%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	21.4	24.4	22.8	25.1	22.5
Giá vốn hàng bán	14.7	6.56	15.7	16.2	15.0
Lợi nhuận gộp	6.67	17.8	7.19	8.91	7.50
Doanh thu HĐTC	11.0	14.8	4.11	9.47	9.32
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Chi phí QLDN	4.41	5.07	3.81	6.49	3.78
LN thuần từ HĐKD	13.2	27.5	7.47	11.9	13.0
Lợi nhuận khác	0.15	-0.01	0.05	0.48	0.15
LN trước thuế	13.4	27.5	7.52	12.3	13.2
Lợi nhuận sau thuế	10.7	21.9	5.99	9.84	10.5
LNST của CĐ cty mẹ	10.7	21.9	5.99	9.84	10.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.9	-20.9	6.13	-0.56	1.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	38.9	0.42	-305	-6.32	0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	17.7	-57.1	1.02	-0.02
Tiền đầu kỳ	341	366	363	7.73	1.86
Lưu chuyển tiền thuần	25.1	-2.82	-356	-5.86	1.24
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	366	363	7.73	1.86	3.11

(Nguồn: fireant.vn)